

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 10-02-2025  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy An.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Nguyễn Thị Bé Ngoan.

2/ Ông Nguyễn Văn Lâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Trung Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 407/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Ha Sa N**, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp K, xã K1, huyện C, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Trường A**, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. **Người làm chứng:** Chị **A Sy G**, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp K, xã K1, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 05/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ha Sa N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trường A thành hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào

ngày 28/9/2018. Thời gian chung sống được 04 năm, lúc đầu sống có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống về tôn giáo, phong tục và điều kiện sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2023 đến nay không hàn gắn được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không thể đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Trường A.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Mu S, sinh ngày 27/11/2019 và Na Si R, sinh ngày 16/7/2021 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Trường A cấp dưỡng nuôi con. Do từ nhỏ con chung sống bên chị, chị đảm bảo điều kiện để nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Trường A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian thành hôn, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống. Anh xác định thời gian đầu sống có hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung hiện đang sống chung với chị N. Anh yêu cầu được nuôi cháu Mu S, để chị N tiếp tục nuôi cháu Na Si R. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 16/01/2025, người làm chứng chị A Sy G trình bày: Chị là chị ruột của chị Ha Sa N. Giữa chị N và anh Trường A có 02 con chung là cháu Mu S và Na Si R. Khi 02 cháu về sống cùng chị N thì các cháu được chăm sóc đầy đủ về mọi mặt, cháu Mu S hiện học mẫu giáo ở trường học gần nhà, cháu Na Si R thì ở nhà được chị N trực tiếp chăm sóc, điều kiện sống của các cháu được đảm bảo, các cháu phát triển tốt về mọi mặt, chị Náh đang bán tạp hoá, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Ha Sa N trình bày: Chị vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh Trường A. Con chung chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Trường A cấp dưỡng nuôi con. Chị đảm bảo điều kiện nuôi con do chị có thu nhập ổn định từ việc bán tạp hoá, thu nhập bình quân khoảng 400.000đ – 500.000đ/ngày, ngoài ra chị còn lãnh hàng gia công về làm tại nhà kiếm thêm thu nhập và chị có mẹ ruột phụ chăm sóc cho con chị.

Bị đơn anh Nguyễn Trường A trình bày: Anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị Náh. Về con chung anh yêu cầu được nuôi cháu Mu S, để chị N tiếp tục nuôi

cháu Na Si R. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh đủ điều kiện để nuôi con do có thu nhập ổn định từ việc anh làm công nhân ở công ty và anh sẽ nhờ ông bà nội chăm sóc, đưa rước con đi học.

**Ý kiến của Viện kiểm sát:**

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Ha Sa N và anh Nguyễn Trường A. Về con chung: Chị Ha Sa N được nuôi 02 con chung là cháu Mu S, sinh ngày 27/11/2019 và cháu Na Si R, sinh ngày 16/7/2021. Anh Trường A không phải cấp dưỡng, có quyền thăm nom các con. Về tài sản, nợ chung: Chị Ha Sa N và anh Nguyễn Trường A không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Ha Sa N nộp 75.000đ, anh Nguyễn Trường A nộp 75.000đ án phí hôn nhân gia đình.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về tố tụng:**

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Ha Sa N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh Nguyễn Trường A cư trú tại ấp H, xã H1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**[2] Về nội dung:**

**[2.1] Về hôn nhân:**

Chị Ha Sa N và anh Nguyễn Trường A thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84 vào ngày 28/9/2018 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Trường A là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị N và anh T thời gian đầu sống rất hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất

đồng về tôn giáo, phong tục và điều kiện sống. Tại biên bản hoà giải cũng như tại phiên toà giữa chị N và anh Trường A đã thống nhất thuận tình ly hôn. Nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Ha Sa N và bị đơn anh Nguyễn Trường A là có cơ sở phù hợp Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

### **[2.2] Về con chung:**

Xét thấy chị N và anh Trường A có 02 con chung tên Mu S, sinh ngày 27/11/2019 và Na Si R, sinh ngày 16/7/2021. Chị N yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Trường A cấp dưỡng nuôi con. Anh Trường A yêu cầu nuôi cháu Mu S, giao cháu Na Si R cho chị N nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Xét 02 con chung hiện đang sống trực tiếp với chị N, cuộc sống của các cháu cũng đảm bảo. Mặt khác các cháu còn rất nhỏ và sống chung với nhau từ nhỏ, Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ dễ dàng hơn, đảm bảo cho các cháu phát triển đầy đủ về tâm lý cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con hơn khi giao con cho anh Trường A nuôi dưỡng, chăm sóc và cũng nhằm để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống của các cháu. Nên Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trường A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ha Sa N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Ha Sa N và anh Nguyễn Trường A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Ha Sa N và anh Nguyễn Trường A mỗi người phải nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ha Sa N và anh Nguyễn Trường A.

**2. Về con chung:** Giao 02 con chung tên Mu S, sinh ngày 27/11/2019 và Na Si R, sinh ngày 16/7/2021 cho chị Ha Sa N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Trường A không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Ha Sa N và anh Nguyễn Trường A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Buộc chị Ha Sa N phải nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị N đã nộp theo biên lai thu số 0011691 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Hoàn trả lại chị N số tiền chênh lệch là 225.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Buộc anh Nguyễn Trường A phải nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí ly hôn.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã H1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 28/9/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thuý An**